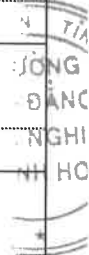


THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 37: từ ngày 27/04/2026 đến ngày 03/05/2026

| THỨ LỚP | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 |
|---------------------------------------|-------|-------|----------------------------------|-------------------------------------|-------|-------|
| K10-DVTY P.B101 | Sáng | | KTNPTB cho gia cầm (Hoà) | 4 KTNPTB cho lợn (Hưng) | 4 | |
| | Chiều | | | | | |
| K11-DVTY P.TH01 | Sáng | | | | | |
| | Chiều | | Khuyến nông (Luu) | 4 KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) | 4 | |
| K10-KTDN K11-KTDN P.E305 | Sáng | | QT văn phòng (Hoa) | 4 Kế toán DN 1 (Dung) | 4 | |
| | Chiều | | Quản trị doanh nghiệp (Son) | 4 Khởi sự kinh doanh (Son) | 4 | |
| CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY | | | | | | |
| TT65A1 P.B201 | Sáng | | Côn trùng CK (Huyền) | 4 Tiếng anh (Linh) | 4 | |
| | Chiều | | | | | |
| TT65A3 P.B102 | Sáng | | Côn trùng CK (Hương) | 4 Tiếng anh (Linh) | 4 | |
| | Chiều | | | | | |
| LN65A | Sáng | | Tạo cây giống bằng giâm (Tuyết) | 4 Tiếng anh (Linh) | 4 | |
| | Chiều | | | | | |
| CN65A1 P.B202 | Sáng | | Tin học (Tâm) (P.TH thư viện) | 4 Vi sinh vật - TN (Quyên) | 4 | |
| | Chiều | | | | | |
| CN65A3 P.B203 | Sáng | | CD và ĐTH thú y (Vân) | 4 Tin học (Tâm) (P.TH thư viện) | 4 | |
| | Chiều | | | | | |



| | | | | | | | |
|----------------------------------|-------|--|---|---|--|---|--|
| CN65A4 P.TH01 | Sáng | | Giống vật nuôi (Quyên) | 4 | Khuyến nông (Triệu) | 4 | |
| | Chiều | | | | | | |
| KTDN65A1 P.B103 | Sáng | | | | Kế toán DN 1 (Dung) | 4 | |
| | Chiều | | | | | | |
| KTDN65A2 P.B104 | Sáng | | Kế toán DN 1 (T.Thảo) | 4 | | | |
| | Chiều | | | | | | |
| KTDN65B | Sáng | | | | Giáo dục QP - AN (Mạnh) | 4 | |
| | Chiều | | Kinh tế chính trị (Quế) | 4 | | | |
| CNTT65A1 P.B205 | Sáng | | Tổ chức QLDN (Son) | 4 | Tiếng anh CN (Phiên) | 4 | |
| | Chiều | | | | | | |
| CNTT65A2 P.B204 | Sáng | | Tiếng anh CN (Linh) | 4 | Tổ chức QLDN (Son) | 4 | |
| | Chiều | | | | | | |
| ĐCN65A1 P.E303 | Sáng | | GD chính trị (Quế) <i>(B.202)</i> | 4 | Đo lường điện (A.Đức) <i>(B.203)</i> | 4 | |
| | Chiều | | | | | | |
| ĐCN65A2 P.E302 | Sáng | | Máy điện (Tuấn) <i>(E.103)</i> | 4 | Truyền động điện (P.Anh) <i>(E.103)</i> | 4 | |
| | Chiều | | | | | | |
| ĐCN65B1 | Sáng | | | | Giáo dục QP - AN (Mạnh) | 4 | |
| | Chiều | | Máy điện (Huân) | 4 | | | |
| ĐCN65B2 P.E301 | Sáng | | GD chính trị (Tài) <i>(B.103)</i> | 4 | Máy điện (H.Anh) <i>(B.104)</i> | 4 | |
| | Chiều | | | | | | |
| ĐCN65B3 P.B306 | Sáng | | Truyền động điện (H. Anh) <i>(E.104)</i> | 4 | Máy điện (Tuấn) <i>(E.104)</i> | 4 | |
| | Chiều | | | | | | |



| | | | | | | |
|---------|-------|--|-----------------------------|--------------------------------|--|--|
| TL64 | Sáng | | | | | |
| | Chiều | | Kỹ thuật nền móng (N.Đức) 4 | TB điện trong HTTL (Huyền) 4 | | |
| TL65 | Sáng | | | Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4 | | |
| | Chiều | | QLVH tưới tiêu (Huyền) 4 | | | |
| CBBQ64 | Sáng | | | | | |
| | Chiều | | Quản trị DN (Năm) 4 | Kiểm tra chất lượng TS (Năm) 4 | | |
| CBBQ65 | Sáng | | | Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4 | | |
| | Chiều | | Bao bì thực phẩm (Liên) 4 | | | |
| KTMTT64 | Sáng | | | | | |
| | Chiều | | Thực hành cơ bản (Đông) 4 | Thực hành cơ bản (Đông) 4 | | |
| KTMTT65 | Sáng | | | Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4 | | |
| | Chiều | | Tiếng anh CN A1 (Nhưng) 4 | | | |
| NTTS64 | Sáng | | | | | |
| | Chiều | | KT nuôi ngao (Ánh) 4 | KT nuôi ngao (Ánh) 4 | | |
| ĐKTB65 | Sáng | | | Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4 | | |
| | Chiều | | Thủy nghiệp (Tiến) 4 | | | |

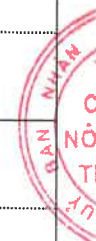
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



*Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày từ ngày 27/04/2026 đến ngày 03/05/2026

| THỨ LỚP | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 |
|------------------|-------|-------|--------------------------|-----------------------------|-------|-------|
| VH63B1 | Sáng | | <i>Toán (Nhưng) 2</i> | <i>GDKT và PL (Thúy) 2</i> | | |
| | Chiều | | | <i>Ngữ văn (Hàng) 2</i> | | |
| VH63B3 P.B302 | Sáng | | <i>Ngữ văn (Hàng) 2</i> | <i>GDKT và PL (Quế) 2</i> | | |
| | Chiều | | | <i>Toán (Quý)</i> 2 | | |
| VH63B4 P.B303 | Sáng | | <i>Lịch sử (Dạ) 2</i> | <i>GDKT và PL (Quyên) 2</i> | | |
| | Chiều | | | <i>Toán (Nhưng) 2</i> | | |
| VH63B6 P.B304 | Sáng | | <i>Ngữ văn (Hường) 2</i> | <i>Lịch sử (Lý) 2</i> | | |
| | Chiều | | | <i>GDKT và PL (Tài) 2</i> | | |
| VH63B7 P.B305 | Sáng | | <i>Ngữ văn (H.Hà) 2</i> | <i>GDKT và PL (Nga) 2</i> | | |
| | Chiều | | | <i>Địa lý (Ngọc) 2</i> | | |
| VH63B8 P.B301 | Sáng | | <i>Toán (Quý) 2</i> | <i>Lịch sử (Dạ) 2</i> | | |
| | Chiều | | | <i>GDKT và PL (Quyên) 2</i> | | |



| | | | | | | |
|--------------------------------|-------|--|--|---|--|--|
| VH64B1 | Sáng | | Hoá học (Doan) 4 | Toán (Nhưng) 4 | | |
| VH65B1 | Sáng | | Vật lý (Son) 4 | | | |
| | Chiều | | | Hóa học (Doan) 4 | | |
| VH65B2 P.E302 | Chiều | | Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Hà) 2 | Địa lý (Thủy) 2 Lịch sử (Dự) 2 | | |
| VH65B3 P.E301 | Chiều | | Địa lý (Phuong) 2 Ngữ văn (Lý) 2 | Lịch sử (Dự) 2 Hoá học (Vân) 2 | | |
| VH65B4 P.E101 | Chiều | | Vật lý (Hoà) 2 GDKT và PL (Nga) 2 | Hóa học (Vân) 2 Ngữ văn (Hường) 2 | | |
| VH65B5 P.B205 | Chiều | | Ngữ văn (Hà) 4 | Lịch sử (Hằng) 2 Toán (Dương) 2 | | |
| VH65B6 P.B204 | Chiều | | Sinh học (Phượng) 2 Địa lý (Phuong) 2 | GDKT và PL (Thắm) 2 Vật lý (Trung) 2 | | |
| VH65B7 P.B104 | Chiều | | Toán (Quảng) 2 Ngữ văn (Lý) 2 | GDKT và PL (Nga) 2 Ngữ văn (Lý) 2 | | |
| VH65B8 P.B202 | Chiều | | Lịch sử (Hằng) 2 Toán (Quảng) 2 | Toán (Quảng) 2 GDKT và PL (Quê) 2 | | |
| VH65B9 P.B203 | Chiều | | Hoá học (Hà) 2 GDKT và PL (Thắm) 2 | Sinh học (Hồng) 2 Toán (Quảng) 2 | | |

| | | | | | | | | |
|---------------------------------|-------|--|-----------------------------------|--------|--------------------------------|--------|--|--|
| VH65B10 P.B103 | Chiều | | Ngữ văn (Lý) Toán (Dương) | 2 2 | Ngữ văn (Lý) Địa lý (Thủy) | 2 2 | | |
| VH65B11 P.B201 | Chiều | | Sinh học (Hồng) Lịch sử (Hằng) | 2 2 | Toán (Dương) Lịch sử (Hằng) | 2 2 | | |

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

